

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH XUYỀN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2022/HS - ST  
Ngày 26 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Tấn Tám.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quang Thái

Bà Lê Thị Bích Thuần

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Huy T, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1994, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy T1 và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

-Tại Bản án số 63/2014/HS - ST ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Huy T 05 năm về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 01 tháng 12 năm 2017 T đã chấp hành xong hình phạt tù, ngày 24 tháng 7 năm 2014 chấp hành xong án phí. (Đã được xóa án tích).

- Ngày 23 tháng 10 năm 2013, Công an thành phố Vĩnh Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 24 tháng 10 năm 2013 đã chấp hành xong. (Đã được xóa).

- Ngày 06 tháng 5 năm 2019, Công an huyện Bình Xuyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Ngày 08 tháng 5 năm 2019 đã chấp hành xong (Đã được xóa).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, “có mặt”.

2. Đỗ Văn Đ, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1994, tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B và bà Lưu Thị Y; vợ: Nguyễn Thị L, có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, “có mặt”.

*Người bào chữa cho bị cáo* Đỗ Văn Đ là bà Kim Hồng Thanh – Trợ giúp viên pháp lý; Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

-Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

-Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

## **NHẬN THẤY:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ là bạn chơi với nhau. T và Đ bàn bạc, thống nhất nếu ai có nhu cầu vay tiền, T và Đ sẽ cùng góp tiền cho vay với lãi suất 7000đồng/01triệu/01 ngày (*Bảy nghìn đồng trên một triệu trên một ngày*), tiền lãi thu được sẽ chia theo tỷ lệ tương đương với phần tiền bỏ ra, góp vốn, cho vay. Ngày 07 tháng 6 năm 2021, do có nhu cầu vay tiền nên anh Nguyễn Văn T2 đã đến gặp Đ và T hỏi vay tiền 10.000.000đồng, (*Mười triệu đồng*). T và Đ đồng ý và thỏa thuận với lãi suất là 7000đồng/01triệu/01ngày (tương đương với 255,5%/năm);

định kỳ 10 ngày phải trả lãi 01 lần là 700.000đồng. Sau khi viết giấy vay tiền và ký tên vào mẫu giấy vay tiền mà Đ và T có sẵn thì T đưa cho anh T2 số tiền 9.300.000đồng, cắt lãi 10 ngày, từ ngày 07 tháng 6 năm 2021 đến ngày 17 tháng 6 năm 2021 là 700.000đồng. Đến ngày 09 tháng 6 năm 2021, anh T2 tiếp tục vay thêm của T và Đ 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*) cũng thỏa thuận với lãi suất như trên và đã trả được 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền lãi. Sau đó, T, Đ và anh T2 thống nhất gộp chung 02 khoản vay là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) (Trong đó T góp 20.000.000đồng, Đ góp 10.000.000đồng), thời điểm vay tính lãi từ ngày 09 tháng 6 năm 2021, cứ 10 ngày anh T2 phải trả cho T và Đ số tiền lãi là 2.100.000đồng. Đến ngày 08 tháng 12 năm 2021, anh T2 trả cho T và Đ 30.000.000đồng tiền gốc và nhận lại 02 giấy vay nợ, anh T2 đã xé bỏ 02 giấy vay nợ này. Ngày 13 tháng 01 năm 2022 anh T2 đã làm đơn trình báo sự việc T và Đ cho vay lãi nặng đến Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên.

Quá trình điều tra xác định anh T2 đã trả cho T và Đ số tiền lãi tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2021 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021 (170 ngày) là 35.700.000đồng. (*Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng*). Trong đó khoản tiền lãi theo mức tối đa cho phép của Bộ luật Dân sự quy định 20%/năm, là 2.794.520đồng (*Hai triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng*), tiền lãi T và Đ thu lời bất chính là 32.905.480đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng*), còn các ngày 26 tháng 11 đến ngày 08 tháng 12 năm 2021, T và Đ không thu tiền lãi mà cho anh T2 số tiền lãi này.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ ở tổ dân phố Công Bình và tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, kết quả không thu giữ được tài liệu gì liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của T và Đ.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, Đ và T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen và 01 điện thoại di động Iphone màu vàng để phục vụ công tác điều tra.

Quá trình điều tra T và Đ khai nhận còn cho một số người khác vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

1. Ngày 14 tháng 6 năm 2021, T và Đ cho anh Nguyễn Huy C, vay 10.000.000đồng, (*Mười triệu đồng*) lãi suất theo thỏa thuận là 7.000đồng/01triệu/01ngày, định kỳ 10 ngày anh C phải trả lãi 01 lần. Sau khi anh C viết giấy vay tiền thì Đ đưa cho anh C số tiền 9.300.000đồng, (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) cắt tiền lãi 10 ngày đầu là 700.000đồng. Từ ngày 14 tháng 6 năm 2021 đến ngày 19 tháng 01 năm 2022 (220 ngày) anh C đã trả cho T và Đ tổng số tiền lãi là 15.400.000đồng. (*Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngày 17 tháng 7 năm 2021, anh C tiếp tục vay thêm của T và Đ số tiền 5.000.000đồng, (*Năm triệu đồng*) với lãi suất như trên. Sau khi anh C viết giấy vay tiền xong thì Đ đưa cho anh C số tiền 4.650.000đồng, cắt tiền lãi 10 ngày đầu là 350.000đồng. Từ ngày 17 tháng 7 năm 2021 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022 (190 ngày) anh C đã trả cho T và Đ tổng số tiền lãi là 6.650.000đồng, (*Sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền lãi anh C đã trả T và Đ cho cả hai khoản vay tính đến ngày 22 tháng 01 năm 2022 là 22.050.000đồng, (*Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) còn 15.000.000đồng tiền gốc anh C chưa trả cho T và Đ. Đối với 02 giấy vay tiền, bị cáo Đ đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

2. Ngày 10 tháng 8 năm 2021, Đ và T cho chị Nguyễn Thị A, vay số tiền 8.000.000đồng, (*Tám triệu đồng*) với lãi suất là 7.000đồng/01triệu/01ngày, định kỳ 01 tháng trả lãi 01 lần. Sau khi chị A viết giấy vay tiền, T đưa cho chị A số tiền 6.320.000đồng, (*Sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*) cắt tiền lãi 01 tháng đầu là 1.680.000đồng. Từ ngày 10 tháng 8 năm 2021 đến ngày 10 tháng 01 năm 2022 (150 ngày) chị A đã trả cho T và Đ tổng số tiền lãi là 8.400.000đồng. (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngày 10 tháng 12 năm 2022 chị A tiếp tục vay của T và Đ số tiền 3.000.000đồng, với lãi suất như cũ (không viết giấy vay tiền), T đưa cho chị A số tiền 2.370.000đồng, đã cắt lãi 01 tháng đầu là 630.000đồng. Ngày 10 tháng 01 năm 2022, chị A đã trả tiền gốc cho T là 11.000.000đồng và nhận lại giấy vay tiền, xé và vứt bỏ. Tổng số tiền lãi chị A đã trả cho T và Đ tính đến ngày 10 tháng 01 năm 2022 là 9.030.000đồng, (*Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) và không còn nợ tiền gốc của T và Đ.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ đã thực hiện hành vi cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất 7.000đồng/triệu/01 ngày tương đương với 255, 5%/năm, cao hơn gấp 12 lần (gấp hơn 05 lần) so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tổng số tiền lãi thực tế của T và Đ đã thu về được của anh Nguyễn Văn T2, Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị A là 66.780.000đồng (*Sáu mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*). Trong đó, khoản tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định là 5.227.397đồng (*Năm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*). Khoản tiền T được hưởng tương ứng với khoản góp vốn cho vay là 2.736.986đồng, Đ được hưởng 2.490.411đồng; khoản tiền lãi vượt quá lãi suất quy định là 61.552.603đồng (*Sáu mươi một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*), Đ hưởng 29.324.589đồng, T hưởng 32.228.014đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại cáo trạng số 57/CT-VKSBX, ngày 22 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Huy T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đỗ Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến ngày 22 tháng 01 năm 2022.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Huy T từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Văn Đ.

Truy thu của bị cáo Đ số tiền 15.500.000 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*); của T số tiền 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền gốc, xác định là phương tiện bị cáo T và Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, để sung quỹ nhà nước.

Truy thu của bị cáo T số tiền 2.736.986 đồng; (*Hai triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng*) của bị cáo Đ số tiền 2.490.411 đồng (*Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng*) là tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T và bị cáo Đ có được do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

Truy thu của anh Nguyễn Huy C số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) là số tiền của bị cáo T và bị cáo Đ cho vay để sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Huy T phải trả cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 21.936.986 đồng (*Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám*

sáu đồng); trả cho anh Nguyễn Huy C số tiền 6.129.452 đồng (*Sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*); trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền 4.161.000 đồng, (*Bốn triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng*) tiền lãi mà anh T2, anh C, chị A trả cho Nguyễn Huy T vượt quá mức cho phép của pháp luật.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải trả cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 10.968.493 đồng; (*Mười triệu chín trăm sáu tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng*) trả cho anh Nguyễn Huy C số tiền 14.194.521 đồng (*Mười bốn triệu một trăm chín tư nghìn năm trăm hai mươi một đồng*); trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền 4.161.000 đồng (*Bốn triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng*), tiền lãi mà anh T2, anh C, chị A trả cho Đỗ Văn Đ vượt quá mức cho phép của pháp luật.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại của các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

*Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Đ trình bày:* Nhất trí với tội danh và mức hình phạt chính mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; tuy nhiên khi phạm tội bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo do địa phương quản lý, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi con nhỏ và bố mẹ già nên người bào chữa cho bị cáo đề nghị miễn khấu trừ thu nhập, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* là anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị A vắng mặt tại phiên tòa xong quá trình điều tra đều trình bày và xác nhận nội dung có vay của Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ số tiền gốc và sau đó đã phải trả lãi suất cao hơn lãi suất do pháp luật quy định, phù hợp với lời khai của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên, của Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, của Kiểm sát viên, của người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Đ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên. Các bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, bị cáo Nguyễn Huy T cùng Đỗ Văn Đ đã cho anh Nguyễn Văn T2, Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị A đều ở thị trấn T, huyện Bình Xuyên vay lãi nặng với lãi suất 7.000đồng/01triệu/01 ngày tương đương với 255,5%/năm cao hơn so với mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm). Trong đó: Cho anh Nguyễn Văn T2 vay với tổng số tiền gốc là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) (T góp 20.000.000đồng, Đ góp 10.000.000đồng); anh T2 đã phải trả cho T và Đ số tiền lãi tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2021 đến ngày 25 tháng 11 năm 2021 (170 ngày) là 35.700.000đồng. (*Ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng*) Trong đó khoản tiền lãi theo mức tối đa cho phép của Bộ luật Dân sự quy định 20%/năm là 2.794.520đồng (*Hai triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng*), tiền lãi T và Đ thu lời bất chính là 32.905.480đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng*); cũng với thủ đoạn như cho anh T2 vay; Tiến và Đạt cho anh Nguyễn Huy C vay tổng số tiền gốc là 15.000.000đồng, (*Mười lăm triệu đồng*) Tổng số tiền lãi anh C đã trả T và Đ cho cả hai khoản vay tính đến ngày 22 tháng 01 năm 2022 là 22.050.000đồng, (*Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) còn 15.000.000đồng tiền gốc anh C chưa trả cho T và Đ; cũng với thủ đoạn tương tự như cho anh T2, anh C vay; T và Đ cho chị Nguyễn Thị A, vay tổng số tiền gốc là 11.000.000đồng, (*Mười một triệu đồng*); tổng số tiền lãi chị A đã trả cho T và Đ tính đến ngày 10 tháng 01 năm 2022 là 9.030.000đồng, (*Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) và không còn nợ tiền gốc của T và Đ.

Tổng số tiền lãi thực tế của bị cáo và Đ đã thu về được của anh Nguyễn Văn T2, Nguyễn Huy C và chị Nguyễn Thị A là 66.780.000đồng. Bị cáo T hưởng số tiền tương ứng với khoản góp vốn cho vay là 34.965.000đồng (*Ba mươi tư triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), Đ hưởng 31.815.000đồng (*Ba mươi một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*). Trong đó khoản thu lời bất chính là khoản tiền lãi vượt quá lãi suất quy định là 61.552.603đồng (*Sáu mươi một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*), Đ hưởng 29.324.589đồng, T hưởng 32.228.014đồng.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng vụ án đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp, có trong hồ sơ vụ án. Hành vi cho chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Huy C vay tiền sau đó đã tính lãi với mức

255,5%/năm để thu lời bất chính là khoản tiền lãi vượt quá lãi suất quy định là 61.552.603đồng (*Sáu mươi một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*), Đ hưởng 29.324.589đồng, T hưởng 32.228.014đồng; các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về khoản thu lời bất chính là 61.552.603đồng (*Sáu mươi một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*). Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

*“...1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đồng đến dưới 100.000.000đồng...thì bị phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 200.000.000đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...”*

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của nhà nước, làm lũng loạn chính sách tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

Trong vụ án này các bị cáo đều tích cực tham gia cho vay lãi nặng nên bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ là đồng phạm với vai trò người thực hành cùng thực hiện tội phạm; tuy các bị cáo cho nhiều người vay, nhiều lần thu lời bất chính xong các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần xử lý nghiêm tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Huy T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù về hành vi Cướp giật tài sản, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và xâm hại sức khỏe người khác nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục vi phạm nên phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung; đối với bị cáo Đỗ Văn Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, là các căn cứ để Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng

xét xử xét thấy tội phạm mà các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cũng chỉ cần xử phạt các bị cáo mức án cải tạo không giam giữ; giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo, giúp các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự quy định về khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo; tại phiên tòa làm rõ các bị cáo đều có sức khỏe, có thu nhập từ nghề làm mộc, các bị cáo có tài sản để thực hiện hành vi phạm tội nên cũng cần khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, mỗi tháng 500.000 đồng là phù hợp. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ, đối với bị cáo T là lao động có thu nhập, có đủ sức khỏe để đảm bảo thu nhập nên cần phạt bổ sung đối với bị cáo T là phù hợp; đối với bị cáo Đ thì gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo được cấp sổ, do đó cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đ.

[7]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

[7.1]. Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen thu giữ của Đỗ Văn Đ và 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của T; quá trình điều tra xác định T và Đ đã sử dụng để gọi điện cho những người vay đến trả lãi, liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, bán phát mại, nộp ngân sách Nhà nước.

[7.2]. Đối với số tiền gốc 56.000.000đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*) T và Đ cho anh T2, anh C và chị A vay được xác định là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trong đó có 15.000.000đồng (*Mười năm triệu đồng*) anh C vay chưa trả cho T và Đ nên cần truy thu của anh C số tiền 15.000.000đồng (*Mười năm triệu đồng*); truy thu của T 25.500.000đồng (*Hai mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng*); truy thu của Đ 15.500.000đồng (*Mười năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

[7.3]. Đối với khoản tiền lãi 5.227.397đồng (*Năm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*) tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà T và Đ thu được từ những người cho vay nên cần truy thu của T và Đ để nộp ngân sách Nhà nước, trong đó truy thu của T số tiền làm tròn là 2.736.000đồng (*Hai triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*), truy thu của Đ số tiền làm tròn là 2.490.000đồng (*Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

[7.4]. Đối với số tiền 61.552.603đồng (*Sáu mươi một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng*) xác định là số tiền lãi T và Đ thu lời bất chính từ

hành vi cho vay lãi nặng. Quá trình điều tra xác định anh T2, anh C, chị A vay tiền của bị cáo T và Đ chỉ để chi tiêu cá nhân, không vay tiền để sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, nên cần trả lại cho anh T2, anh C và chị A. Do đó cần buộc T và Đ phải trả cho anh T2 số tiền làm tròn là 32.905.000đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm linh năm nghìn đồng*); bị cáo Đ phải trả số tiền làm tròn là 10.968.000đồng (*Mười triệu chín trăm sáu tám đồng*) và bị cáo T phải trả số tiền làm tròn là 21.936.000đồng (*Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi sáu đồng*); trả cho anh C số tiền làm tròn là 20.323.000đồng (*Hai mươi triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng*), bị cáo Đ phải trả cho anh C số tiền làm tròn là 14.194.000đồng, (*Mười bốn triệu một trăm chín tư nghìn đồng*), bị cáo T phải trả số tiền làm tròn là 6.129.000đồng (*Sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng*); trả lại cho chị A là 8.323.000đồng (*Tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng*), Đ và T mỗi người phải trả số là: 4.161.000 đồng, (*Bốn triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ thời hạn đã tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến 22 tháng 01 năm 2022 là 09 (Chín) ngày tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ; được trừ thời hạn đã tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đến 22 tháng 01 năm 2022 là 09 (Chín) ngày tương ứng với 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản án và Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án Hình sự.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ với số tiền là 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự; Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Huy T số tiền 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu đen; 01 chiếc điện thoại di động màu vàng thu giữ của Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ là công cụ phạm tội của các bị cáo. (Vật chứng của có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Bình Xuyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 17 tháng 5 năm 2022).

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 25.500.000đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) của Nguyễn Huy T và 15.500.000đồng (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) của Đỗ Văn Đ là công cụ phạm tội mà Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ cho anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị A vay.

Truy thu, buộc anh Nguyễn Huy C nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) mà anh C vay của Nguyễn Huy T và Đỗ Văn Đ.

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.736.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) của Nguyễn Huy T và 2.490.000đồng (*Hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) của Đỗ Văn Đ là khoản tiền lãi của 02 bị cáo có được từ việc phạm tội.

Buộc bị cáo Nguyễn Huy T phải trả cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 21.936.000 đồng (*Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng*); trả cho

anh Nguyễn Huy C số tiền 6.129.000 đồng (*Sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng*); trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền 4.116.000 đồng, (*Bốn triệu một trăm mười sáu nghìn đồng*) tiền lãi mà anh T2, anh C, chị A trả cho Nguyễn Huy T vượt quá mức cho phép của pháp luật.

Buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải trả cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 10.968.000 đồng; (*Mười triệu chín trăm sáu tám nghìn đồng*) trả cho anh Nguyễn Huy C số tiền 14.194.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm chín tư nghìn đồng*); trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền 4.161.000 đồng (*Bốn triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng*), tiền lãi mà anh T2, anh C, chị A trả cho Đỗ Văn Đ vượt quá mức cho phép của pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Huy T và bị cáo Đỗ Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- CA huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn Thanh Lãng;
- Bị cáo; Người có QLVN liên quan.
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HSVA + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Tấn Tám**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Thái Lê Thị Bích Thuận**

**Nguyễn Tấn Tám**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- CA huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn Thanh Lãng;
- Bị cáo; Người có QLVN liên quan.
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HSVA + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tám**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Thái Lê Thị Bích Thuận**

**Nguyễn Tấn Tám**









